

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật này¹.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025²

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đặt ra yêu cầu “Rà soát, bổ sung, hoàn thiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; quy định rõ cơ chế phân cấp, uỷ quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được phân cấp, uỷ quyền giữa các cấp chính quyền địa phương”. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 thể chế hoá một bước các yêu cầu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW. Tuy nhiên, do phạm vi

¹ Khoản 3 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: “3. Tổ chức của Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tiếp tục thực hiện theo cơ cấu, thành phần được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 cho đến khi có quy định của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này”.

² Tờ trình số 26/TTr-CP ngày 21/01/2025 của Chính phủ Dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

sửa đổi của Luật năm 2019 chưa toàn diện nên một số chủ trương đã được khẳng định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW chưa được nghiên cứu, thể chế hoá đầy đủ, cần tiếp tục rà soát để cụ thể hoá³.

Cùng với yêu cầu khẩn trương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tiến hành “cuộc cách mạng” về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó có Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) nhằm tạo lập hành lang pháp lý để các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước sau sắp xếp đi vào hoạt động, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

b) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra nhiệm vụ “tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; “Hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với các địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt; giảm cấp chính quyền phù hợp ở một số địa phương; xây dựng mô hình quản trị chính quyền địa phương phù hợp với từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển các vùng, khu kinh tế”; “tăng cường kiểm soát quyền lực bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền”; “Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, năng lực thực hiện pháp luật cho các địa phương và các bộ”.

c) Chương IX Hiến pháp năm 2013 (từ Điều 110 đến Điều 116) quy định về tổ chức đơn vị hành chính (ĐVHC); tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND).

³ Như: “Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt”; “xây dựng mô hình quản trị chính quyền địa phương phù hợp với từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển các vùng, khu kinh tế; xây dựng cơ chế, thể chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước; tăng cường kiểm soát quyền lực bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền”.

Nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về chính quyền địa phương là căn cứ pháp lý quan trọng cho việc ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và tiếp tục được nghiên cứu để cụ thể hoá đầy đủ trong quá trình xây dựng dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 10 năm thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, 04 năm thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, 03 năm sơ kết thi hành các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng cho thấy nhìn chung tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp đã dần đi vào ổn định, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức thi hành các luật, nghị quyết nêu trên đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể như sau:

Một là, quy định những vấn đề về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền, ủy quyền chưa thực sự cụ thể, rõ ràng làm căn cứ để các Luật chuyên ngành quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp; ảnh hưởng đến việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp từ Trung ương đến địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Hai là, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp cơ bản giống nhau, chưa phân biệt rõ theo từng cấp (tỉnh, huyện, xã) và theo đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo; chưa phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và cơ quan nhà nước ở địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Ba là, mô hình tổ chức chính quyền địa phương chưa được thiết kế phù hợp với địa bàn đô thị dẫn đến Quốc hội phải ban hành các Nghị quyết riêng biệt để quy định tổ chức chính quyền đô thị của 04 thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng. Còn lại, đa số các ĐVHC trên cả nước đều tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND; tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương các cấp còn chồng chéo, nhiều tầng

nắc, chưa bảo đảm mục tiêu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Bốn là, tổ chức và hoạt động của HĐND các cấp (nhất là cấp tỉnh) còn chưa tương xứng với vị trí, vai trò và yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, thực hiện giám sát và xu thế đẩy mạnh phân quyền từ Trung ương cho địa phương.

Năm là, tổ chức và hoạt động của UBND các cấp còn chưa tinh gọn, hoạt động của UBND (nơi có tổ chức HĐND) vẫn còn nặng về sự điều hành của tập thể UBND mà chưa phát huy được thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính (Chủ tịch UBND), làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả, tính kịp thời của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 nhằm thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU BAN HÀNH LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

1. Quan điểm

a) Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 27 NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, nhất là xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại.

b) Thể chế hoá đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho chính quyền địa phương theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương

làm, địa phương chịu trách nhiệm”, qua đó nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

c) Bảo đảm vừa kế thừa những quy định còn phù hợp, vừa tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, hải đảo, ĐVHC kinh tế - đặc biệt; khắc phục các hạn chế, bất cập, vướng mắc từ thực tiễn thi hành Luật trong thời gian qua.

d) Quán triệt chủ trương của Trung ương, Quốc hội về việc “Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, đúng thẩm quyền của Quốc hội” nhằm bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật.

2. Mục tiêu

Sửa đổi cơ bản, toàn diện và hợp lý các quy định về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương để cụ thể hoá đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 và thể chế hoá các chủ trương, định hướng trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng nhằm tiếp tục đổi mới chính quyền địa phương theo hướng đẩy mạnh phân quyền giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sau đây gọi là Luật năm 2025) gồm 07 chương, 50 điều (*giảm 01 chương và 93 điều so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sau đây gọi là Luật năm 2015*), cụ thể như sau:

1. Chương I: Những quy định chung. Gồm 09 Điều (từ Điều 1 đến Điều 07), quy định về: (1) Đơn vị hành chính; (2) Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính; (3) Phân loại đơn vị hành chính; (4) Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương; (5) Hội đồng nhân dân; (6) Ủy ban nhân dân; (7) Quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

2. Chương II: Tổ chức đơn vị hành chính và thành lập, giải thể,

nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính, gồm 03 Điều (từ Điều 08 đến Điều 10), quy định về: (1) Nguyên tắc tổ chức đơn vị hành chính và điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; (2) Thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; (3) Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

3. Chương III: Phân định thẩm quyền và chính quyền địa phương các cấp. Gồm 04 Điều (từ Điều 11 đến Điều 14), quy định về: (1) Phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương; (2) Phân quyền; (3) Phân cấp; (4) Ủy quyền.

4. Chương IV: Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương. Gồm 04 mục và 12 Điều (từ Điều 15 đến Điều 26), cụ thể:

- **Mục 1: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính quyền địa phương cấp tỉnh.** Gồm 03 Điều (từ Điều 15 đến Điều 17), quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- **Mục 2: Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện.** Gồm 03 Điều (từ Điều 18 đến Điều 20), quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- **Mục 3: Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã.** Gồm 04 Điều (từ Điều 21 đến Điều 24), quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; (4) Đối thoại giữa chính quyền địa phương cấp xã với Nhân dân.

- **Mục 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.** Gồm 02 Điều (từ Điều 25 đến Điều 26), quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở hải đảo; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở đơn vị

hành chính - kinh tế đặc biệt.

5. Chương V: Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Gồm 02 mục và 14 Điều (*từ Điều 27 đến Điều 40*), cụ thể:

- **Mục 1: Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.** Gồm 10 Điều (*từ Điều 27 đến Điều 36*), quy định về: (1) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân; (2) Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; (4) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân; (5) Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân; (6) Kỳ họp Hội đồng nhân dân; (7) Biểu quyết của Hội đồng nhân dân; (8) Bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương; (9) Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu; (10) Tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân.

- **Mục 2: Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân.** Gồm 04 Điều (*từ Điều 37 đến Điều 40*), quy định về: (1) Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân; (2) Hoạt động của Ủy ban nhân dân; (3) Điều động, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; (4) Giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

6. Chương VI: Tổ chức chính quyền địa phương trong trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính và các trường hợp đặc biệt khác. Gồm 07 Điều (*từ Điều 41 đến Điều 47*), quy định về: (1) Tổ chức chính quyền địa phương khi nhập các đơn vị hành chính cùng cấp; (2) Tổ chức chính quyền địa phương khi chia một đơn vị hành chính thành nhiều đơn vị hành chính cùng cấp; (3) Tổ chức chính quyền địa phương khi thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở nguyên trạng; (4) Tổ chức chính quyền địa phương khi thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở điều chỉnh một phần địa phận và dân cư của các đơn vị hành chính; (5) Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân khi di chuyển tập thể dân cư; (6) Hoạt động của Hội đồng nhân dân khi không còn đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân; (7) Giải tán Hội đồng nhân dân

7. Chương VII: Điều khoản thi hành. Gồm 03 Điều (*từ Điều 48*

đến Điều 50), quy định về: (1) Sửa đổi, bổ sung Luật Biển Việt Nam; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Quy định chuyển tiếp

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Đơn vị hành chính (Điều 1)

Luật năm 2025 quy định về đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có: Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập. Tùy theo điều kiện địa lý, dân cư, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đơn vị hành chính cấp huyện tại các đảo, quần đảo (sau đây gọi chung là hải đảo) có thể không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã.

So với Luật năm 2015 đã bổ sung quy định tùy theo điều kiện địa lý, dân cư, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đơn vị hành chính cấp huyện tại các đảo, quần đảo (sau đây gọi chung là hải đảo) có thể không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính (Điều 2)

Luật năm 2025 quy định về tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính, như sau:

- Chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Trường hợp Quốc hội có quy định về việc không tổ chức cấp chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính cụ thể thì chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính đó là Ủy ban nhân dân.

- Chính quyền địa phương ở nông thôn gồm chính quyền địa phương ở tỉnh, huyện, xã.

- Chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, phường, thị trấn.

- Chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

1.3. Phân loại đơn vị hành chính (Điều 3)

Luật năm 2025 quy định về phân loại đơn vị hành chính như sau:

- Phân loại đơn vị hành chính là cơ sở để hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền địa phương phù hợp với từng loại đơn vị hành chính.

- Phân loại đơn vị hành chính phải dựa trên các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, miền núi, vùng cao, hải đảo theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương (Điều 4)

Luật năm 2025 quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, như sau:

“1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương hoạt động theo chế độ tập thể Ủy ban nhân dân kết hợp với đề cao trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

2. Tổ chức chính quyền địa phương tinh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

4. *Bảo đảm nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục.*

5. *Những công việc thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương phải do địa phương quyết định, địa phương tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm”.*

1.5. Hội đồng nhân dân (Điều 5)

Luật năm 2025 quy định về Hội đồng nhân dân như sau:

“1. Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

e) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

4. Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau. Chậm nhất là 45 ngày trước khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân khóa mới phải được bầu xong. Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân, ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân. Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định”.

1.6. Ủy ban nhân dân (Điều 6)

Luật năm 2025 quy định về Ủy ban nhân dân như sau:

“1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân ở nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

2. Nhiệm kỳ của Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới bầu ra Ủy ban nhân dân khóa mới.

3. Chính phủ lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân; ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân”.

2. Quy định về tổ chức đơn vị hành chính và thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính (Chương II)

Chương II quy định cụ thể về Nguyên tắc tổ chức đơn vị hành chính và điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính và trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính, cụ thể:

2.1. Nguyên tắc tổ chức đơn vị hành chính và điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

a) Việc tổ chức đơn vị hành chính được thực hiện theo **04 nguyên tắc** sau đây:

(1) Tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính ổn định, thông suốt, liên tục của quản lý nhà nước;

(2) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của từng địa phương;

(3) Phù hợp với năng lực quản lý của bộ máy chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số; bảo đảm các công việc, thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp và xã hội được tiếp nhận, giải quyết kịp thời, thuận lợi;

(4) Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

b) Việc thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải bảo đảm **05 điều kiện** sau đây:

(1) Phù hợp quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(2) Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương;

(3) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

(4) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho Nhân dân;

(5) Phải căn cứ vào tiêu chuẩn của đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Việc giải thể đơn vị hành chính chỉ thực hiện trong các trường hợp sau đây:

(1) Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương hoặc của quốc gia;

(2) Do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình tác động đến sự tồn tại của đơn vị hành chính đó.

2.2. Thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính

- Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh.

-. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

2.3. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính

- Chính phủ tổ chức xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh trình Quốc hội; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Hồ sơ đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính gồm có: Tờ trình về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; Đề án về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan; Dự thảo nghị quyết của Quốc hội hoặc dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

- Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính phải được lấy ý kiến Nhân dân ở những đơn vị hành chính cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính bằng các hình thức phù hợp theo quy định của Chính phủ.

- Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, cơ quan xây dựng đề án có trách nhiệm hoàn thiện đề án và gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở các đơn vị hành chính có liên quan để xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

- Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính phải được thẩm định trước khi trình Chính phủ và được thẩm tra trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- Việc lập đề án, trình tự, thủ tục xem xét, thông qua đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 đã đổi tên chương và thứ tự của Chương II Tổ chức đơn vị hành chính, thành lập, giải thể, nhập chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính⁴ để bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Luật đã quy định một số nguyên tắc tổ chức đơn vị hành chính, điều kiện thành lập, giải thể, nhập chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Bên cạnh đó, so với Luật năm 2015, Luật năm 2025 đã quy định theo hướng khái quát về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới Luật năm 2015 và giao Chính phủ quy định cụ thể về việc xây dựng, lấy ý kiến cử tri, khảo sát, thẩm định đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, bảo đảm tính linh hoạt và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

3. Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương (Chương III)

⁴ Luật hiện hành quy định các nội dung này tại Chương VIII. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC.

Một trong những điểm mới của Luật năm 2025 là Luật đã quy định 01 chương về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền, uỷ quyền giữa chính quyền địa phương các cấp, cụ thể như sau:

3.1. Về nguyên tắc phân định thẩm quyền (Điều 11):

Việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm **07 nguyên tắc** sau đây

(1) Xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả;

(2) Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương;

(3) Phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó;

(4) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên; kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền, phân cấp khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền, phân cấp thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

(5) Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật;

(6) Đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(7) Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp huyện; những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh; những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp

tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

Trong 07 nguyên tắc phân định thẩm quyền (khoản 2 Điều 11) nêu trên, có những nội dung mới như: (1) Xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả; (2) Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan và giữa chính quyền địa phương các cấp; (3) Phù hợp khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp; cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; (4) Thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên; (5) Đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,... Đồng thời, để khuyến khích tinh thần chủ động, sáng tạo của địa phương, Luật năm 2025 bổ sung quy định *“Chính quyền địa phương được chủ động đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về việc phân quyền, phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của địa phương”* (khoản 3 Điều 11)

3.2. Về phân quyền (Điều 12):

Luật năm 2025 quy định về phân quyền như sau:

- Việc phân quyền cho chính quyền địa phương các cấp phải được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, trong đó xác định rõ chủ thể thực hiện, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm các nguyên tắc phân định thẩm quyền và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; được phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội quy định không được phân cấp, ủy quyền.

- Cơ quan nhà nước cấp trên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát về tính hợp hiến, hợp pháp trong việc chính quyền địa phương các cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 quy định rõ các yêu cầu, điều kiện của việc phân quyền như: (1) Việc phân quyền cho chính quyền địa phương các cấp phải được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội; (2) Chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; (3) Cơ quan nhà nước cấp trên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát về tính hợp hiến, hợp pháp trong việc chính quyền địa phương các cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

3.3. Về phân cấp (Điều 13):

Luật năm 2025 quy định về phân cấp như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình hoặc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà mình được giao theo quy định của pháp luật để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

- Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan phân cấp. Cơ quan phân cấp chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp có đề nghị và tự bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

- Cơ quan phân cấp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện phân cấp theo quy định.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp có quyền tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản phân cấp; đề nghị cơ quan phân cấp điều chỉnh nội dung phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phân cấp hoặc đề xuất với Chính phủ đề nghị Quốc hội phân quyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương được đề xuất với Ủy ban nhân dân về việc phân cấp cho mình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng nếu đáp ứng các yêu cầu về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác.

- Trường hợp cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mới thực hiện được việc phân cấp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh các quy định đó để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính theo hướng giảm thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành văn bản điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các cơ quan liên quan để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện việc công khai thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và sau đó có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước ở

trung ương về ngành, lĩnh vực có liên quan về việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại địa phương mình.

Luật năm 2025 quy định một số điểm mới như: (1) Quy định rõ chủ thể phân cấp và chủ thể nhận phân cấp; (2) Quy định trách nhiệm của cơ quan phân cấp trong việc bảo đảm các điều kiện để thực hiện việc phân cấp; (3) Cơ quan nhận phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; (4) Không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình nhận phân cấp; (5) Quy định về việc điều chỉnh thủ tục hành chính trong trường hợp thực hiện phân cấp.

3.4. Về ủy quyền (Điều 14):

Luật năm 2025 quy định cụ thể ủy quyền như sau:

- Ủy ban nhân dân ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình hoặc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp, ủy quyền.

Việc ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ, quyền hạn nhằm tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công (khoản 1 Điều 14).

- Việc ủy quyền phải bảo đảm các điều kiện sau đây (khoản 2 Điều 14):

(1) Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải xác định cụ thể nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền, cách thức thực hiện và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ủy quyền;

(2) Việc ủy quyền phải phù hợp với năng lực, khả năng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc ủy quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình ủy quyền, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn đã được ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Trường hợp việc ủy quyền dẫn đến cần thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương⁵ (khoản 3 Điều 14).

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn đã được ủy quyền thì chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền không phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn đã ủy quyền (khoản 4 Điều 14).

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền; không được ủy quyền tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền (khoản 5 Điều 14).

⁵Khoản 6 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: 6. Trường hợp cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mới thực hiện được việc phân cấp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh các quy định đó để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính theo hướng giảm thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành văn bản điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các cơ quan liên quan để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện việc công khai thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và sau đó có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về ngành, lĩnh vực có liên quan về việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại địa phương mình.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền sử dụng hình thức văn bản, con dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương (khoản 6 Điều 14).

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức thay mặt tập thể lãnh đạo ký các văn bản của cơ quan, tổ chức; cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thay mặt tập thể, ký thay người đứng đầu cơ quan, tổ chức; người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền cho cấp phó, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của mình; công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn ký thừa ủy quyền thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về công tác văn thư (khoản 7 Điều 14).

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 có các điểm mới sau: (1) Làm rõ và mở rộng phạm vi chủ thể ủy quyền và chủ thể nhận ủy quyền (*Quy định về ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập cùng cấp hoặc UBND, Chủ tịch UBND cấp dưới; ủy quyền giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp trên cho UBND cấp dưới*); (2) Quy định rõ yêu cầu của việc ủy quyền (ủy quyền phải bằng văn bản của cơ quan ủy quyền; văn bản phải quy định rõ nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền); (3) Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc ủy quyền và thực hiện nhiệm vụ ủy quyền; (iv) Quy định việc sử dụng con dấu và hình thức văn bản khi thực hiện nhiệm vụ ủy quyền, việc điều chỉnh thủ tục hành chính trong trường hợp thực hiện ủy quyền.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương (Chương IV)

Chương IV có 04 Mục quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, gồm: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính quyền địa phương cấp tỉnh; Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện; Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã; Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Thực hiện nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm” và tránh quy định chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan của chính quyền địa phương, Luật quy định cụ

thể nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND ở mỗi đơn vị hành chính theo hướng: (1) Phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa HĐND và UBND cùng cấp; (2) Phân định nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể UBND và cá nhân Chủ tịch UBND nơi tổ chức cấp chính quyền địa phương theo hướng tăng nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm cho cá nhân Chủ tịch UBND; (3) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng khái quát, tập trung vào các lĩnh vực về tài chính ngân sách, tổ chức bộ máy, biên chế, hoạt động kiểm tra, giám sát... bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 11 của Luật.

5. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương (Chương V)

Chương V có 02 mục quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân (mục 1) và tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân (mục 2), điểm mới cơ bản về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

5.1. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 đã quy định theo hướng: (1) Giữ nguyên nội dung về cơ cấu tổ chức của HĐND nhưng gộp chung 01 điều (Luật năm 2015 đưa vào từng điều riêng của từng loại hình đơn vị hành chính); (2) Quy định khái quát hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu HĐND (các nội dung chi tiết về triệu tập, chủ trì phiên họp, khách mời, tài liệu, cung cấp thông tin về kỳ họp HĐND, tổ chức và hoạt động của các ban, tổ đại biểu HĐND,... sẽ hướng dẫn tại Quy chế hoạt động mẫu); (3) Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật như: không quy định Chủ tịch UBND đầu nhiệm kỳ là đại biểu HĐND; bổ sung quy định về trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND, khuyết Thường trực HĐND; bổ sung quy định về tạm đình chỉ chức vụ Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng, phó Ban của HĐND,...

5.2. Về tổ chức và hoạt động của UBND

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 đã quy định theo hướng: (1) Quy định khái quát cơ cấu tổ chức của UBND gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên; giao Chính phủ quy định cụ thể; (2) Khái quát các nội dung và hoạt

động của UBND (các nội dung chi tiết về triệu tập, chủ trì cuộc họp, khách mời, tài liệu, cung cấp thông tin về cuộc họp của UBND, trách nhiệm của Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND, ... sẽ hướng dẫn tại Quy chế hoạt động mẫu); (3) Quy định rõ các nội dung UBND phải thảo luận và quyết nghị, những nội dung UBND có thể ủy quyền cho Chủ tịch UBND quyết định.

6. Tổ chức chính quyền địa phương trong trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính và các trường hợp đặc biệt khác (Chương VI)

Chương VI quy định cụ thể về: (1) Tổ chức chính quyền địa phương khi nhập các đơn vị hành chính cùng cấp; (2) Tổ chức chính quyền địa phương khi chia một đơn vị hành chính thành nhiều đơn vị hành chính cùng cấp; (3) Tổ chức chính quyền địa phương khi thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở nguyên trạng; (4) Tổ chức chính quyền địa phương khi thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở điều chỉnh một phần địa phận và dân cư của các đơn vị hành chính; (5) Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân khi di chuyển tập thể dân cư; (6) Hoạt động của Hội đồng nhân dân khi không còn đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân; (7) Giải tán Hội đồng nhân dân.

7. Điều khoản thi hành (Chương VII)

7.1. Sửa đổi, bổ sung Luật Biển Việt Nam (Điều 48)

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 7 của Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 như sau:

“3. Chính phủ thực hiện việc phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tại các địa phương có biển; giao các đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển quản lý; xác lập địa giới đơn vị hành chính đối với các khu vực bãi bồi do bồi đắp tự nhiên và khu vực lấn biển.”.

7.2. Hiệu lực thi hành (Điều 49)

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật này⁶.

⁶ Khoản 3 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: “3. Tổ chức của Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tiếp tục thực hiện theo cơ cấu, thành phần được quy định tại Luật Tổ

- Tổ chức chính quyền đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 169/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân quận ở đơn vị hành chính không tổ chức cấp chính quyền địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng thực hiện thêm nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm i khoản 1 Điều 18 của Luật này.

- Tổ chức chính quyền đô thị ở thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô.

Bãi bỏ khoản 5 Điều 14 của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15. Nội dung liên quan đến chế độ trách nhiệm, việc bảo đảm điều kiện thực hiện, việc sử dụng hình thức văn bản, con dấu khi thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định của Luật này.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật này.

7.3. Quy định chuyển tiếp (Điều 50)

chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 cho đến khi có quy định của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này”.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định chuyển tiếp như sau:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 có hiệu lực thi hành, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định tại các điều 11, 12, 13, 14 và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

Kể từ ngày Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 có hiệu lực thi hành, để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

- Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương trong các ngành, lĩnh vực phù hợp với quy định tại Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 thì các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được tiếp tục thực hiện cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Tổ chức của Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tiếp tục thực hiện theo cơ cấu, thành phần được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 cho đến khi có quy định của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, UBKTTU, VP TU;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, NV1.Gi.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG